

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
ПЛАН ВЫБОРА ПОДРЯДЧИКА

Đơn vị đặt hàng / *Заказчик*: **Xí nghiệp KTDK / ПДНГ**

Đơn hàng/*Заявка* **No. 94-VT-999/26-KT**

Tên hàng hóa / Dịch vụ: **Spare Part for GCP (Gas Compressor Package).**

Наименование товара: **Запасные части для GCP (Gas Compressor Package).**

Ngày nhận đơn hàng / *Дата получения заявки отделом-исполнителем*: **26/03/2026.**

Ngày bắt đầu thực hiện / *Дата начала реализации*: **27/03/2026.**

Phòng thực hiện / *Отдел – исполнитель*: **Phòng Thương Mại - KO**

Quy chế áp dụng: “Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro” số **VSP-000-TM-238 - Phiên bản 02, sửa đổi 02 hiệu lực ngày 01/01/2026.**

Применяется Положению: «Положение о порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывность хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «Вьетсовпетро» № **VSP-000-TM-238 - Версия 02, с изменениями 02, действующие с 01.01.2026г.**



Số hiệu gói thầu / Номер тендерного пакета: **94-VT-999/26-KT** .

Tên Gói thầu: **Cung cấp “Spare Part for GCP (Gas Compressor Package)”**.

На приобретение товара/ услуг: **Запасные части для GCP (Gas Compressor Package)**.

Loại gói thầu/Bid тендерного пакета: **Mua sắm hàng hóa / На приобретение товаров**.

Giá gói thầu / Стоимость пакета :

Trong đó bao gồm / Стоимость тендерного пакета, включая:

- Giá trị hàng hóa/ Стоимость товаров:
- Giá trị dự phòng / Запас: **0**

Giá trị thuế ước tính-Ориентировочная сумма налогов:

Bao gồm/ В т. ч:

- Thuế nhập khẩu - Вкл.импортный налог (10%):
- Thuế VAT - Налог НДС:

Thanh toán / Оплата в 2026г:

Gói thầu / Тендерный пакет: **Chia thành 02 phần bao gồm / Тендерный пакет делится на предмет:**

Phần <i>компонентов</i>	Giá trị USD <i>Стоимость USD</i>	Giá trị VND <i>Стоимость VND</i>
Group 1 (Item 1-14; 17-26; 30)		
Group 2 (Item 15,16,27,28,29; 31-40)		
Tổng		

Tùy chọn mua thêm / Опция дополнительной закупки: **Không / Нет**.

Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa / Максимальный объем опций дополнительной закупки: **Không / Нет**.

Lô / Блок: **09-2/09**

Tên dự án / Kế hoạch mua sắm / Проект/ План приобретения: **Năm 2026 / на 2026г**

Nguồn tài chính - Источник финансирования: Lô 09-2/09_Блок 09-2/09. Ngân sách 2026/Бюджет на 2026г: chắc chắn - основной, nguồn vốn: Vốn các Bên Nhà thầu PSC lô 09-2/09 (OPEX) - Источник финансирования: Участники СРП по Блоку 09-2/09. Mục - Пункт №: 5.1.1.2.6, Phụ lục 6 - Kỳ họp VIII Ủy ban quản lý Lô 09-2/09 - Приложение № 6 к Протоколу VIII заседания УК СРП по блоку 09-2/09. Mục - Пункт №: 94.51.12.06.00 (mục 5.1.1.2.6.9.5): Spare part for GCP / Запасные части для GCP - Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, thuê dịch vụ tổng thể năm 2026, Lô 09-2/09 / Общих план закупки материалов, Оборудования и аренды услуг на 2026 год для Блока 09-2/09.

Thuế - Налог:

Mục - Пункт 94.99.00.00.00- Mục C «Thuế» - Bảng 1, Phụ lục 6 "Ngân sách năm 2026" - Kỳ họp VIII Ủy ban quản lý Lô 09-2/09/ «Налоги» - Таблица 1, Приложение 6 "Бюджет на 2026 год" к Протоколу VIII заседания Управляющего Комитета по Блоку 09-2/09.

- **Thuế nhập khẩu- Вкл.импортный налог:**

Thuế nhập khẩu - Вкл.импортный налог: Mục - Пункт 94.99.02.00.00- Mục C2 «Thuế nhập khẩu» - Bảng 1, Phụ lục 6 "Ngân sách năm 2026" - Kỳ họp VIII Ủy ban quản lý Lô 09-2/09 / «Налоги» - Таблица 1, Приложение 6 "Бюджет на 2026 год" к Протоколу VIII заседания Управляющего Комитета по Блоку 09-2/09.

- **Thuế VAT/ Налог НДС:**

Thuế VAT/ НДС: Thuế - Налоги: Mục-Пункт 94.99.00.00.00 - Mục C1 «Thuế VAT» - Bảng 1, Phụ lục 6 "Ngân sách năm 2026" - Kỳ họp VIII Ủy ban quản lý Lô 09-2/09/ «Налоги» - Таблица 1, Приложение 6 "Бюджет на 2026 год" к Протоколу VIII заседания Управляющего Комитета по Блоку 09-2/09.

1. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

Đấu thầu rộng rãi quốc tế / Международный расширенный тендер.

2. Quy trình lựa chọn nhà thầu / Процедура выбора подрядчика: **Bình thường / Нормальный**

3. Phương thức lựa chọn nhà thầu / Способ выбора подрядчика: **Phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ / Способ одноэтапного однопакетного тендера.**

4. Kế hoạch thực hiện / График исполнения:

STT №.	Các bước Этапы исполнения	Thời gian thực hiện (ngày) Срок исполнения (день)
1.	Lập, trình ký tắt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT), Hồ sơ mời thầu (HSMT) / Составление и визирование Плана выбора подрядчика и Документов приглашения на тендер (ДТП).	05 ngày làm việc / рабочий день
2.	Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt KHLCNT, HSMT / Утверждение руководством ВСП Плана выбора подрядчика, Документов приглашения на тендер	06 ngày làm việc / рабочий день
3.	Đăng tải thông tin và tổ chức mời thầu / Опубликование информации и приглашение на тендер.	01 ngày lịch / календарный день
4.	Phát hành HSMT, nhận và mở Hồ sơ dự thầu (HSDT) / Выдача Документов приглашения на тендер, получение и вскрытие тендерных предложений	20 ngày lịch / календарный день
5.	Đánh giá tính hợp lệ của HSDT, năng lực kinh nghiệm của nhà thầu / Оценить обоснованность Документов приглашения на тендер, возможностей и опыта подрядчика.	05 ngày làm việc / рабочий день
6.	Đánh giá kỹ thuật, lập và trình ký kết luận kỹ thuật (KLKT) / Оценка тендерных предложений, составление и визирование Технического заключения.	10 ngày làm việc / рабочий день

STT №.	Các bước <i>Этапы исполнения</i>	Thời gian thực hiện (ngày) <i>Срок исполнения (день)</i>
7.	Đánh giá thương mại, lập, Trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt BCKQLCNT và các dự thảo hợp đồng / <i>Коммерческая оценка тендерных предложений, составление, Утверждение Руководством ВСП Отчета о результатах выбора подрядчика и проекта контрактов</i>	10 ngày làm việc / <i>рабочий день</i>
8.	Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu / <i>Уведомление о результатах выбора подрядчика.</i>	02 ngày làm việc / <i>рабочий день</i>
9.	Hoàn thiện, trình Lãnh đạo Vietsovpetro ký chính thức hợp đồng / <i>Завершение и предоставление Руководителям ВСП визировать и подписывать контракт.</i>	03 ngày làm việc / <i>рабочий день</i>
10.	Ký kết hợp đồng với nhà thầu / <i>Подписание контракта подрядчиком.</i>	05 ngày làm việc / <i>рабочий день</i>
Tổng số ngày Сумма дней		(i) ngày làm việc/рабочий день 46
		(ii) ngày lịch/календарный день 21

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: **47 ngày.**
Количество дней проведения выбора подрядчика: 47 день.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: **04/2026**
Начало процедуры отбора участников торгов: 04/2026г
- 5. Loại hợp đồng / *Вид контракта*: **Hợp đồng trọn gói / Контракт «под ключ».**
- 6. Thời gian dự kiến cấp hàng/thực hiện hợp đồng: **11.2026 / Nhóm I: 6 tháng; Nhóm II: 4 tháng**
Срок поставки товара/ выполнения контракта: 11.2026 г. / Группа I: не более 6 месяцев; Группа II: не более 4 месяцев с даты подписания контракта.

8. Tổ chuyên gia hoặc các thành viên các phòng, đơn vị được chỉ định chịu trách nhiệm soạn thảo Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trên cơ sở dự thảo do phòng thực hiện lập để trình Lãnh đạo phê duyệt.

Рабочая группа экспертов проводит рассмотрение и принятие подготовленных отделом-исполнителем Документов приглашения на тендер/ Документов запросов для представления Руководству СП «Вьетсовпетро» на утверждение.

9. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong Hồ sơ mời thầu, Tổ chuyên gia tổ chức đánh giá Hồ sơ dự thầu và lập Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt.

На основании утвержденных критериев в Документах приглашения на тендер, Рабочая группа экспертов проводит рассмотрение и оценку тендерных предложений, составление и Отчета о результатах выбора подрядчика Руководству СП «Вьетсовпетро» на утверждение.

Việc làm rõ Hồ sơ dự thầu phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu và được thực hiện như sau:

Уточнение Тендерных предложений должно обеспечить принцип сохранения основного содержания в поданном Тендерном предложении, сохранения предложенной цены и осуществляется следующие:

- 9.1 Làm rõ nội dung đề xuất về kỹ thuật:

Уточнение технического содержания в Тендерных предложениях:

Tổ chuyên gia về kỹ thuật soạn thảo nội dung cần làm rõ, ký visa (chữ ký điện tử); Tổ phó Tổ chuyên gia về kỹ thuật thỏa thuận (chữ ký điện tử); Tổ trưởng Tổ chuyên gia thầu phê duyệt nội dung và ký công văn gửi các nhà thầu.

Рабочая группа экспертов по техническому вопросу подготовит документ, в котором указывать содержание уточнения Тендерного предложения, визирует (в электронном подписании); Заместитель руководителя рабочей группы экспертов согласует (в электронном подписании); Руководитель рабочей группы экспертов подписывает документ и письменный документ в адрес подрядчиков.

- 9.2 Làm rõ nội dung đề xuất về Tài chính-Thương mại:

Уточнение финансово-коммерческого содержания в Тендерных предложениях:

Tổ chuyên gia về Tài chính Thương mại soạn thảo nội dung cần làm rõ, ký visa (chữ ký điện tử); Tổ trưởng Tổ chuyên gia phê duyệt và ký công văn gửi nhà thầu.

Рабочая группа экспертов по финансово-коммерческому вопросу подготовит документ, в котором указывать содержание уточнения Тендерного предложения, визирует (в электронном подписании); Руководитель рабочей группы экспертов подписывает документ и письменный документ в адрес подрядчиков.

- 9.3 Trong trường hợp cần phải xử lý tình huống, tổ trưởng tổ chuyên gia gửi báo cáo cho lãnh đạo VSP xin chỉ đạo trước khi gửi làm rõ cho các nhà thầu.

В случае необходимости проработки возникающих ситуаций, Руководитель рабочей группы экспертов представит Руководству СП «Вьетсовпетро» для получения разрешения на отправку письма уточнения Документов подрядчикам.

10. Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm về tiến độ xem xét, đánh giá hồ sơ dự thầu. Phòng thực hiện chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện lựa chọn nhà thầu.

Рабочая группа экспертов отвечает за своевременное рассмотрение тендерных предложений и их оценку. Отдел-исполнитель несет ответственность за осуществление контроля за выполнением проведения тендера.

Đính kèm/ Приложение:

- Bìa ĐH - *Титульный лист*
- Danh mục đặt hàng (đã ký) - *Спецификация*
- Bản tính giá trị (đã ký) - *Расчет стоимости*